

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ – ST.

Ngày: 25/6/2025.

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng.

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2025/LTST-HNGĐ ngày 10/10/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồ Thu U, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ C, ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ H, ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà U vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản làm việc, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2019. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt

được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà với ông B có hai con chung là cháu Lê Ngọc Huyền M, sinh ngày 08/6/2020 và cháu Lê Ngọc Huyền T, sinh ngày 02/8/2023. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà U.

Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Huyền M, sinh ngày 08/6/2020 và cháu Lê Ngọc Huyền T, sinh ngày 02/8/2023 cho bà U nuôi dưỡng, tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2019 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà U trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông B không muốn vợ chồng hòa giải để đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà

U, ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà U.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà U yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Ngọc Huyền M, sinh ngày 08/6/2020 và cháu Lê Ngọc Huyền T, sinh ngày 02/8/2023 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Bà U cũng xác định đủ điều kiện nuôi con mà không cần ông B cấp dưỡng nuôi con, đây là yêu cầu tự nguyện của bà U, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai về vấn đề này. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà U.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà U trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông B vắng mặt không có lời khai về việc này nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Hồ Thu U. Bà Phạm Hồ Thu U được ly hôn ông Lê Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Ngọc Huyền M, sinh ngày 08/6/2020 và cháu Lê Ngọc Huyền T, sinh ngày 02/8/2023 cho bà Phạm Hồ Thu U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Lê Văn B tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Hồ Thu U phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012467 ngày

08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà Phạm Hồ Thu U đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Đức Dũng- Lại Thị Thúy Hằng

Nguyễn Hoài Bảo

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã Thừa Đức
(GCNKH số:99/2019)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo